ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-UBND	*Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;

Căn cứ Văn bản số 1337/HĐND-TT ngày 29/8/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc tiếp nhận đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số ...../TTr-SYT ngày ... tháng ... năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, với các nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Trong

đó, nêu *"...duy trì đội ngũ Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố, cô đỡ thôn bản, cộng tác viên dân số theo chức năng, nhiệm vụ..".*

Kế hoạch số 284-KH/TU ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về Thực hiện Kết luận số 149-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025QH15: tại điểm c khoản 1 Điều 15 quy định nhiệm vụ quyền hạn của HĐND tỉnh: "*c) Căn cứ vào chủ trương của Đảng, quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương sau khi đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép; quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước*".

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15: Tại điểm a khoản 1 Điều 21 quy định: *"1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên".*

- Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15, tại khoản 4, Điều 31 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp như sau: *"Quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương"*. Tại Điểm l, Khoản 9, Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: *"Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương"*.

- Luật Dân số số 113/2025/QH15 ngày 10/12/2025; tại khoản 2 điều 25 quy định "*Cộng tác viên dân số được bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế; được hưởng các chính sách, chế độ theo quy định của Chính phủ".*

- Điều 42, Điều 43, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

- Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số:

Khoản 2 Điều 11: "*Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau: a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm tại các địa bàn còn lại".*

Khoản 3 Điều 11: *"Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này".*

Điểm a, khoản 4, Điều 13: *"Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định bố trí, đảm bảo kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện quy định tại Nghị định này".*

- Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số.

Khoản 1, Điều 4 quy định: *"Cộng tác viên dân số được bố trí phụ trách công việc theo địa bàn thôn tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương nhưng bảo đảm mỗi thôn có tối thiểu 01 cộng tác viên dân số".*

- Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá có cơ sở pháp lý và thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

3. Cơ sở thực tiễn

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa các quy định: Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số: "căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định số lượng cộng tác viên dân số và trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định. Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP quy định kinh phí chi trả thù lao hằng tháng cho cộng tác viên dân số do ngân sách địa phương bảo đảm".

Cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố là lực lượng trực tiếp triển khai công tác dân số tại cộng đồng, có vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, vận động, tư vấn, cung cấp thông tin và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ dân số tại địa bàn dân cư. Trong thời gian qua, đội ngũ cộng tác viên dân số đã tích cực tham gia triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về dân số, góp phần thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu dân số trên địa bàn tỉnh.

Trong bối cảnh công tác dân số chuyển trọng tâm từ dân số - kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển, đội ngũ cộng tác viên dân số tiếp tục có vai trò quan trọng trong việc thực hiện các nhiệm vụ về duy trì mức sinh hợp lý, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và cập nhật thông tin phục vụ quản lý nhà nước về dân số ở cơ sở. Tuy nhiên, nhiệm vụ ngày càng mở rộng, yêu cầu quản lý ngày càng cao, trong khi cộng tác viên dân số không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để quy định mức thù lao hằng tháng cho cộng tác viên dân số là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý để thực hiện chính sách hỗ trợ phù hợp, thống nhất trên địa bàn tỉnh; động viên, khuyến khích đội ngũ cộng tác viên dân số tiếp tục gắn bó với công tác dân số tại cộng đồng.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; làm căn cứ để lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; góp phần bảo đảm điều kiện để đội ngũ cộng tác viên dân số thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở.

2. Quan điểm xây dựng

Nội dung Nghị quyết phải bảo đảm phù hợp với Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số không thấp hơn mức quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ; bảo đảm khả năng cân đối ngân sách địa phương, phù hợp tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh và đồng bộ với quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về số lượng cộng tác viên dân số.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục đối với dự thảo Nghị quyết này; đồng thời chỉ đạo Sở Y tế và các cơ quan liên quan triển khai xây dựng hồ sơ theo quy định.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp tổ chức xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

2. Sở Y tế đã xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá và hồ sơ kèm theo.

a) Đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và lấy ý kiến các Sở, ngành; UBND các xã, phường (tại công văn số 8709/SYT-CCDS ngày 03/9/2026)

Ngày 13/9/2026 Sở Y tế nhận được 107 văn bản góp ý, trong đó:

- Ý kiến thống nhất với nội dung dự thảo có 99/107 cơ quan, đơn vị.

- Ý kiến góp ý nội dung dự thảo có 8/107 cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý bổ sung, điều chỉnh.

Sở Y tế đã nghiên cứu nội dung góp ý của các cơ quan, đơn vị; tiếp thu ý kiến góp ý chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

b) Sở Y tế hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định (tại công văn số…./SYT-CCDS ngày .../9/2026).

- Ngày …/9/2026, Sở Tư pháp đã có Công văn số: /BCTĐ-STP của Sở Tư pháp về việc Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

- Sở Y tế tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình HĐND tỉnh.

Tại Hội nghị Phiên họp chuyên đề UBND tỉnh về nội dung..…. ngày …/…/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất thông qua Dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Bố cục, nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thực hiện và chi trả thù lao đối với cộng tác viên dân số theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số

1. Mức thù lao bằng 0,5 lần mức lương cơ sở/tháng áp dụng đối với cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố làm việc tại các địa bàn sau:

a) Thôn, bản có từ 350 hộ gia đình trở lên.

b) Thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định.

d) Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên.

2. Mức thù lao bằng 0,4 lần mức lương cơ sở/tháng áp dụng đối với cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố làm việc tại các địa bàn còn lại.

3. Người tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, đồng thời thực hiện nhiệm vụ cộng tác viên dân số, được hưởng thù lao hằng tháng đối với nhiệm vụ kiêm nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết giữa các bên; mức thù lao kiêm nhiệm không vượt quá mức thù lao hằng tháng tương ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 3. Nguyên tắc và nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguyên tắc thực hiện

a) Việc chi trả thù lao bảo đảm đúng đối tượng, đúng mức, công khai, minh bạch; không chi trùng thù lao đối với cùng một nhiệm vụ.

b) Cộng tác viên dân số đáp ứng tiêu chuẩn, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế và theo phân công của cơ quan có thẩm quyền được hưởng thù lao hằng tháng theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 4. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Bãi bỏ quy định về kinh phí cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn, bản tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, thực hiện chế độ chuyển tiếp đối với cộng tác viên dân số theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ, cộng tác viên dân số tiếp tục hưởng mức thù lao hiện hưởng; phần chênh lệch giữa mức thù lao quy định tại Nghị quyết này và mức thù lao hiện hưởng được chi trả trong năm 2027.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA, BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực

a) Tổng số cộng tác viên dân số (CTV) là 1933, trong đó:

- 1.859 CTV hưởng mức thù lao bằng 0,5 lần mức lương cơ sở/tháng, áp dụng đối với cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành; các thôn tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên.

- 74 CTV hưởng mức thù lao bằng 0,4 lần mức lương cơ sở/tháng, áp dụng đối với thôn, bản, tổ dân phố còn lại.

b) Kinh phí chi trả hằng năm

- 1.859 CTV × 1.265.000^{đ} (0,5) × 12 tháng = 28.219.620.000 đồng/năm.

- 74 CTV × 1.012.000^{đ} (0,4) × 12 tháng = 898.656.000 đồng/năm.

Tổng kinh phí: 29.118.276.000 đồng/năm. *(Hai mươi chín tỷ một trăm mười tám triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)*

Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách địa phương bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát số lượng cộng tác viên dân số, xác định nhu cầu kinh phí, khả năng cân đối ngân sách và hoàn thiện phương án mức thù lao để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Điều kiện đảm bảo việc thi hành

- Hằng năm ngân sách cấp đến Ủy ban nhân dân các xã, phường để thực hiện chi trả thù lao cộng tác viên.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường xét chọn cộng tác viên dân số theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Tập huấn, hướng dẫn nâng cao năng lực cho cộng tác viên dân số thôn, tổ dân phố ở các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

3. Thời gian trình thông qua, ban hành

Trân trọng đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua trong kỳ họp tháng10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên đây là Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

(Có dự thảo Nghị quyết và các hồ sơ liên quan gửi kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tài chính, Tư pháp;
- Lưu: VT, VHXH NVH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Tô Anh Dũng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND	*Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dân số 113/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số /BC-PC ngày tháng năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thực hiện và chi trả thù lao đối với cộng tác viên dân số theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên dân số

1. Mức thù lao bằng 0,5 lần mức lương cơ sở/tháng áp dụng đối với cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố làm việc tại các địa bàn sau:

a) Thôn, bản có từ 350 hộ gia đình trở lên.

b) Thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định.

d) Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên.

2. Mức thù lao bằng 0,4 lần mức lương cơ sở/tháng áp dụng đối với cộng tác viên dân số thôn, bản, tổ dân phố làm việc tại các địa bàn còn lại.

3. Người tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa, đồng thời thực hiện nhiệm vụ cộng tác viên dân số, được hưởng thù lao hằng tháng đối với nhiệm vụ kiêm nhiệm theo thỏa thuận trong hợp đồng ký kết giữa các bên; mức thù lao kiêm nhiệm không vượt quá mức thù lao hằng tháng tương ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 3. Nguyên tắc và nguồn kinh phí thực hiện

2. Nguyên tắc thực hiện

a) Việc chi trả thù lao bảo đảm đúng đối tượng, đúng mức, công khai, minh bạch; không chi trùng thù lao đối với cùng một nhiệm vụ.

b) Cộng tác viên dân số đáp ứng tiêu chuẩn, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế và theo phân công của cơ quan có thẩm quyền được hưởng thù lao hằng tháng theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 4. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Bãi bỏ quy định về kinh phí cộng tác viên dân số - kế hoạch hóa gia đình thôn, bản tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, thực hiện chế độ chuyển tiếp đối với cộng tác viên dân số theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ, cộng tác viên dân số tiếp tục hưởng mức thù lao hiện hưởng; phần chênh lệch giữa mức thù lao quy định tại Nghị quyết này và mức thù lao hiện hưởng được chi trả trong năm 2027.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, cấp tỉnh;
- TTr Đảng ủy, HĐND,UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TT của Đoàn ĐBQH và HDND tỉnh;
- Báo và PTTH Thanh Hóa;
- Lưu: VT, PC.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Phong